

THÔNG BÁO

Thực hiện việc giao nhận, ký gửi hàng hóa vận chuyển từ cảng Sa Kỳ đi Lý Sơn và ngược lại

Căn cứ Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa; Thông tư số 59/2015/TT-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa; Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa; Quyết định số 14/QĐ-BGTVT ngày 06/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về kế hoạch hành động phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả và Công văn số 123/CVHHQNg-PC ngày 17/3/2022 của Cảng vụ hàng hải Quảng Ngãi về việc tăng cường các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn hàng hải khi phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn.

Để thực hiện chức năng theo dõi, kiểm soát hàng hóa qua cảng theo quy định của pháp luật hiện hành nhằm tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải khi phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn, Ban Quản lý cảng và Cảng vụ đường thủy nội địa (*Ban Quản lý*) thông báo đến tổ chức, cá nhân có nhu cầu liên quan đến việc giao nhận, ký gửi hàng lý, bao gửi trên tuyến bằng tàu khách tại cảng Sa Kỳ, nội dung như sau:

1. Kể từ ngày **01/7/2022**, Ban Quản lý sẽ tổ chức thực hiện chức năng theo dõi, kiểm tra và tiếp nhận, ký gửi hàng hóa - hành lý, bao gửi trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn và ngược lại đối với tàu khách. Tất cả hàng hóa ký gửi ra Lý Sơn và ngược lại bằng tàu khách thì phải được kiểm soát và thực hiện giao nhận, ký gửi tại Nơi giao nhận hàng ký gửi của Ban Quản lý.

2. Mỗi hành khách được miễn tiền cước 20 kg hành lý xách tay, nếu hành lý có khối lượng trên 20 kg thì hành khách phải thực hiện việc ký, gửi hàng hóa - hành lý và thanh toán cước theo quy định. Đối với hàng hóa là phương tiện xe mô tô, thiết bị máy móc có sử dụng nhiên liệu là xăng, dầu phải thực hiện việc hút hết nhiên liệu trước khi đưa xuống tàu để bảo đảm công tác an toàn.

Hành khách không mang các loại hàng hóa, hành lý, bao gửi vào trong nhà ga, khoang hành khách trên tàu, gồm: Hải cốt (trừ lọ tro); hàng hóa có mùi hôi, thối; hàng công kênh, cản trở lối đi trên phương tiện, hàng dễ cháy nổ, các loại hàng cấm theo quy định pháp luật.

3. Người có nhiệm vụ, bao gồm: Các cơ quan chức năng quản lý nhà nước tại cảng, nhân viên thực hiện tiếp nhận hàng hóa của Ban Quản lý, nhân viên phục vụ của các tàu khách phối hợp giao nhận hàng hóa và các trường hợp đặc biệt khác mới được ra khu vực cầu cảng để làm việc. Ban Quản lý không cho phép chủ hàng và cá nhân vào bên trong khu vực cầu cảng gây mất an ninh trật tự, an toàn hàng hải.

4. Giá dịch vụ ký gửi hàng hóa và các giá sử dụng dịch vụ hỗ trợ khác (Bốc xếp, giao nhận, kiểm đếm, ...) thực hiện Biểu giá dịch vụ dự kiến niêm yết công khai theo Phụ lục (*Nhận thông tin phản hồi qua số điện thoại 0986.468.123 – Phương*), sau ngày 01/7/2022 sẽ thống nhất áp dụng.

Ban Quản lý cảng và Cảng vụ đường thủy nội địa thông báo nội dung trên đến các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở GTVT (báo cáo);
- Cảng vụ HH QNg (báo cáo);
- Trạm BPCK cảng Sa Kỳ;
- Tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Các DNVT HK trên tuyến;
- Niêm yết tại cảng Sa Kỳ;
- Trang tin điện tử BQL;
- Đội Công nhân bốc xếp cảng Sa Kỳ;
- Lãnh đạo BQL;
- Các phòng CMNV;
- Lưu: VT, KTDVHH_{.ntphuong}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tạ Công Chức

Phụ lục
BẢNG GIÁ DỊCH VỤ DỰ KIẾN
CƯỚC VẬN CHUYỂN VÀ GIÁ DỊCH VỤ HỖ TRỢ KÝ GỬI HÀNG HÓA CHO TÀU KHÁCH

| TT | DANH MỤC HÀNG HÓA | ĐVT | Cước vận chuyển hàng hóa bằng tàu khách (bao gồm sử dụng dịch vụ ký gửi hàng hóa) | Sử dụng dịch vụ cảng | | |
|----------|---|-----------------|---|----------------------|--|--|
| | | | | Lưu kho (Đồng/ngày) | Bốc xếp từ tàu - cầu/xe tại cầu hoặc ngược lại | Cước di chuyển hàng từ cầu - xe/kho và ngược lại |
| 1 | Nhóm phương tiện | | | | | |
| - | Xe mô tô | Đồng/xe | 55.000 | 5.000 | 20.000 | |
| - | Xe đạp | Đồng/xe | 20.000 | 3.000 | 10.000 | |
| 2 | Nhóm hàng đóng kiện, bành, bao, thùng | | | | | |
| - | Từ 10 kg trở xuống | Đồng/đơn vị | 8.000 | 1.000 | 700 | 700 |
| - | Trên 10 kg đến 20 kg | Đồng/đơn vị | 15.000 | 2.000 | 1.000 | 1.000 |
| - | Trên 20 kg đến 30 kg | Đồng/đơn vị | 22.000 | 3.000 | 3.000 | 3.000 |
| - | Trên 30 kg đến 50 kg | Đồng/đơn vị | 33.000 | 3.000 | 5.000 | 5.000 |
| - | Từ 50 kg đến 70 kg | Đồng/đơn vị | 45.000 | 5.000 | 10.000 | 10.000 |
| - | Hàng có kích thước quá khổ, trọng lượng khác | Đồng/đơn vị | Thỏa thuận | Thỏa thuận | Thỏa thuận | Thỏa thuận |
| 3 | Nhóm hàng linh kiện, máy móc, thiết bị điện tử | | | | | |
| - | Máy giặt, tủ lạnh, ti vi, gia dụng điện tử tương tự loại dưới 50kg | Đồng/cái | 50.000 | 5.000 | 7.000 | 10.000 |
| - | Máy giặt, tủ lạnh, gia dụng điện tử tương tự loại trên 50kg | Đồng/cái | 70.000 | 7.000 | 10.000 | 20.000 |
| - | Hàng thiết bị, máy móc khác | Đồng/cái | Thỏa thuận | Thỏa thuận | Thỏa thuận | Thỏa thuận |
| 4 | Thuê phương tiện/thiết bị chuyên dùng di chuyển từ cảng đến vị trí nhận hàng/kho/xe và ngược lại (01 lần không quá 01 tấn) | Đồng/lần | | | | 50.000 |

